

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HS-ST

Ngày: 04-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn;

2. Bà Trần Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Dương Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Vũ Thị T (tên gọi khác: không), sinh ngày 13/12/1988; tại huyện A, thành phố H; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Y, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: đại lý xổ số; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Doãn Th và bà Lê Thị Th (đã chết); chồng Trịnh Văn Th, sinh năm 1983, có 02 con: con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2024 đến ngày 17/01/2024 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

+ Anh Trịnh Văn Th, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Y, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

Người chứng kiến: anh Phạm Đình C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01/2024, Vũ Thị T có ký hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Miền Bắc tỉnh Ninh Bình - Chi nhánh Tam Điệp làm đại lý bán vé xổ số. Hằng ngày, T ngồi bán xổ số cho khách tại vỉa hè trước cửa nhà Lợi dụng việc bán xổ số cho khách, T nảy sinh ý định bán số lô, số đề trái phép để thu lời bất chính. T quy ước với người chơi tỷ lệ thắng thua như sau: đối với số đề người mua trúng sẽ được T trả gấp 70 lần, số đề ba càng gấp 400 lần so với số tiền mua; đối với số lô 1 điểm bán với giá 23.000 đồng nếu trúng sẽ được T trả 80.000 đồng, lấy kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng trong ngày làm căn cứ đối chiếu trả thưởng.

Ngày 11/01/2024, T chuẩn bị 01 bút bi nhãn hiệu TL-027, mực màu xanh để ghi các số lô, số đề; các mảnh giấy trắng hình chữ nhật cùng kích thước (10,4 x 6,8)cm và các cuống vé xổ số lô tô kích thước (7,3 x 6,5)cm do Nhà nước phát hành của những ngày trước không trúng thưởng làm cấp lô, đề. Về hình thức chơi lô, đề: người mua chọn 2 số từ 00 đến 99 để mua. Đối với hình thức chơi số đề: Nếu số đề đã mua trùng với 2 số cuối cùng của giải đặc biệt xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày thì T phải trả cho người mua số tiền gấp 70 lần số tiền người mua đã trả cho T. Đối với hình thức chơi số lô: được tính theo điểm, mỗi điểm lô tương ứng số tiền người mua phải trả là 23.000 đồng. Nếu số lô đã mua trùng với 2 số cuối cùng của 27 giải xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày thì T phải trả cho người mua mỗi điểm lô tương ứng số tiền 80.000 đồng nhân với số điểm lô trúng. Nếu số lô đã mua trùng với 02 số cuối của nhiều giải thì T phải trả tiền trúng lô cho người mua của tất cả các giải tương ứng mà người mua trúng.

Chiều ngày 11/01/2024, Vũ Thị T kê bàn ghế ngồi trên vỉa hè trước cửa nhà mình để bán xổ số do Nhà nước và bán số lô, số đề trái phép cho khách. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đinh Văn Đ (sinh năm 1995, trú tại thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình) đến hỏi mua 6 số lô và 6 số đề với tổng số tiền 2.870.000 đồng trong đó số lô 38, 83, 97, 04, 03, 01 mỗi số 20 điểm tương ứng số tiền 2.760.000 đồng và các số đề: 38, 83, 97, 04, 03, 01 mỗi số 10.000 đồng tương ứng số tiền 60.000 đồng, T đồng ý và nhận của Đ số tiền 2.820.000 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng). Sau khi nhận tiền, T lấy mảnh giấy kích thước (10,4 x 6,8)cm làm cấp ghi 06 số lô, 06 số đề và số tiền mua đề của Đ vào một mặt giấy, T lấy 01 mảnh giấy khác cùng kích thước ghi các số lô, số đề Đ mua vào một mặt giấy để tổng hợp. Sau khi ghi xong, T đưa cấp lô đề nêu trên cho Đ. Đ tiếp tục hỏi mua của T 02 số đề: 79, 97 mỗi số 25.000 đồng tương ứng số tiền 50.000 đồng, T đồng ý và nhận của Đ số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng). Sau khi nhận tiền, T tiếp tục lấy 01 mảnh giấy khác có cùng kích thước làm cấp ghi 02 số đề và số tiền mua đề của Đ vào một mặt giấy, rồi lấy mảnh giấy lúc trước vừa tổng hợp các số lô đề, ghi thêm 02 số đề bán cho Đ vào cùng mảnh giấy để

tổng hợp. Sau khi ghi xong, T đưa tờ cáp ghi 02 số đề nêu trên cho Đ, còn mảnh giấy tổng hợp các số lô, đề T giữ để theo dõi, trả thưởng. Ngay sau khi Đ vừa mua xong số lô, số đề của T thì Nguyễn Hữu T1 (sinh năm 1993, trú tại thôn Đg, xã H huyện H, tỉnh Thanh Hóa) đến hỏi mua 30 số đề với tổng số tiền 2.700.000 đồng gồm: 10 số đầu 0 (tức là từ 00 đến 09), 10 số đầu 6 (tức là từ 60 đến 69), 10 số đầu 8 (tức là từ 80 đến 89), T đồng ý. T lấy 01 tờ cuống vé xổ số lô tô không trúng thưởng của ngày hôm trước kích thước (7,3 x 6,5)cm làm cáp ghi 30 số đề T1 mua vào mặt sau cuống vé, rồi lấy mảnh giấy tổng hợp số lô, đề bán cho Đ trước đó ghi các số đề bán cho T1 chung vào mảnh giấy để tổng hợp. Ghi xong, T đưa cho T1 cáp đề và nhận của T1 số tiền 2.700.000 đồng. Sau khi mua 30 số đề, T1 tiếp tục hỏi mua của T thêm 01 số đề 04 với số tiền 27.000 đồng, T đồng ý. T lấy 01 tờ cuống vé xổ số lô tô khác có cùng kích thước làm cáp ghi số đề 04 vào mặt sau cuống vé, rồi lấy mảnh giấy vừa tổng hợp số lô đề ghi thêm số đề 04 vào cuối bảng tổng hợp. Sau đó T đưa tờ cáp đề này cho T1 và nhận của T1 số tiền 27.000 đồng. Ngay lúc đó (thời điểm chưa có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng) việc bán số lô, số đề của T bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp phát hiện bắt quả tang, thu giữ của Vũ Thị T số tiền 6.160.000đồng, 01 bút bi nhãn hiệu TL-027 mực màu xanh T dùng ghi lô đề, 01 mảnh giấy tổng hợp ghi lô đề của T đã bán cho Đinh Văn Đ và Nguyễn Hữu T1; Thu giữ của Điền 2 mảnh giấy cùng kích thước (10,4 x 6,8)cm trong đó có một mảnh giấy ghi 6 số đề và 6 số lô, một mảnh giấy ghi 02 số đề; Thu giữ của T1 2 tờ cuống vé xổ số lô tô của ngày hôm trước cùng kích thước (7,3 x 6,5)cm, trong đó mặt sau một tờ ghi 30 số đề và mặt sau một tờ ghi 01 số đề 04. Sau khi thu giữ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã yêu cầu T, Đ và T1 ký tên xác nhận vào các tờ cáp lô đề đã mua bán với nhau và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vũ Thị T.

Cùng ngày, Công an thành phố Tam Điệp tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T thu giữ tổng số tiền 60.000.000 đồng

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS-TPTĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

-Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị T từ 22.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng.

-Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bút mực bi màu xanh, nhãn hiệu TL-027

+ Tịch thu nộp ngân sách số tiền 5.597.000 đồng là số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc.

+ Trả lại cho bị cáo số tiền 60.563.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Đinh Văn Đ mua và anh Nguyễn Hữu T1 trình bày ngày 11/01/2023 có mua của bị cáo Vũ Thị T các số lô, số đề. Sau khi T đưa tờ cáp đề cho T1 và nhận của tiền thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp phát hiện bắt quả tang, thu giữ của Vũ Thị T số tiền 6.160.000 đồng, 01 bút bi nhãn hiệu TL-027 mực màu xanh T dùng ghi lô đề, 01 mảnh giấy tổng hợp ghi lô đề của T đã bán cho Đinh Văn Đ và Nguyễn Hữu T1. Diễn biến sự việc đúng như cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp đã truy tố và nói lời sau cùng bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hành vi của bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11/01/2023, tang vật, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: chiều ngày 11/01/2024, tại Tổ dân phố Lý Nhân, phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình, T đã bán trái phép cho Đinh Văn Đ 6 số lô, 8 số đề với tổng số tiền 2.870.000 đồng; bán trái phép cho Nguyễn Hữu T1 31 số đề với tổng số tiền 2.727.000 đồng bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp bắt quả tang khi chưa có kết quả xử số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng. Tổng số tiền T sử dụng vào việc đánh bạc hình thức bán số lô, số đề trái phép là 5.597.000 đồng (*Năm triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) để thu lời bất chính.

[2] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề trái phép để thu lời bất chính như đã nêu trên là trái phép, là cố ý, xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trị an ở địa phương.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền

từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”

Như vậy, hành vi của bị cáo Vũ Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật.

[4] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, số tiền bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó không cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội, đồng thời bảo đảm tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với 02 tờ giấy hình chữ nhật có cùng kích thước (10,4 x 6,8)cm và 02 tờ vé lô tô nhà nước, hình chữ nhật có cùng kích thước (7,3 x 6,5)cm là các vật chứng của Vũ Thị T ghi cho T1 và Đ; 01 tờ giấy hình chữ nhật, kích thước (10,4 x 6,8)cm là bảng tổng hợp số lô, số đề T bán cho Đ và T1 trong ngày 11/01/2024 được chuyển theo hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 bút bi là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 5.597.000 đồng là tiền do phạm tội mà có nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 60.563.000 đồng là tiền của Vũ Thị T và chồng là Trịnh Văn Th không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho Vũ Thị T và chồng là Trịnh Văn Th.

[7] Đối với Đinh Văn Đ mua 2.870.000 đồng số lô, số đề trái phép; Nguyễn Hữu T1 mua 2.727.000 đồng số đề trái phép của Vũ Thị T. Bản thân Đ và T1 đều chưa bị xử phạt hành chính, kết án về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, số tiền mua số lô số đề của mỗi người đều dưới 5.000.000 đồng nên hành vi của Đ và T1 chỉ là hành vi vi phạm hành chính. Do vậy ngày 27/02/2024 Công an thành phố Tam Điệp đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0203603, 0203604 đối với Đ và T1, phạt mỗi người 200.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: bị cáo Vũ Thị T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bút mực bi màu xanh, nhãn hiệu TL-027
- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.597.000 đồng (năm triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn đồng) là số tiền bị cáo phạm tội mà có.
- Trả lại cho bị cáo số tiền 60.563.000 đồng (sáu mươi triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

(Chi tiết vật chứng như Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 12/3/2024 giữa Công an thành phố Tam Điệp và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp. Số tiền 66.610.000 đồng đã được chuyển đến tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự theo Ủy nhiệm chi lập ngày 11/3/2024).

3. Về án phí: bị cáo Vũ Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Bích Hồng